

Số: 75 /TB-ĐHVHHCM

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 3 năm 2025

**THÔNG BÁO**  
**Tuyển sinh trình độ thạc sĩ đợt 1 năm 2025**

Căn cứ Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Đề án tuyển sinh trình độ thạc sĩ năm 2025, ban hành kèm theo Quyết định số 224/QĐ-ĐHVHHCM ngày 20 tháng 3 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh;

Trường Đại học Văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh thông báo tuyển sinh trình độ thạc sĩ đợt 1 năm 2025 như sau:

**1. Ngành và chỉ tiêu tuyển sinh**

| STT      | Ngành             | Mã ngành | Chỉ tiêu |
|----------|-------------------|----------|----------|
| 1        | Quản lý văn hóa   | 8229042  | 20       |
| 2        | Văn hóa học       | 8229040  | 07       |
| 3        | Khoa học thư viện | 8320203  | 03       |
| Tổng số: |                   |          | 30       |

**2. Các điều kiện dự tuyển trình độ thạc sĩ**

**a) Điều kiện về văn bằng**

Người tốt nghiệp hoặc có quyết định công nhận tốt nghiệp trình độ đại học ngành phù hợp với các ngành tuyển sinh trình độ thạc sĩ.

**\* Ngành Quản lý văn hóa**

- Ngành phù hợp: Quản lý văn hóa; Văn hóa quần chúng.

Người dự tuyển có bằng tốt nghiệp trình độ đại học ngành phù hợp với ngành Quản lý văn hóa thì không phải học bổ sung kiến thức.

- Ngành gần:

+ Đại học ngành gần: Văn hóa học; Văn hóa các dân tộc thiểu số Việt Nam; Gia đình học; Việt Nam học; Quản lý nhà nước; Xã hội học; Nhân học; Triết học; Chủ nghĩa xã hội khoa học; Kinh tế chính trị; Chính trị học; Tôn giáo học; Lịch sử; Tâm lý học; Tâm lý học giáo dục; Công tác xã hội; Công tác thanh niên; Giáo dục học; Quản lý giáo dục; Khoa học quản lý; Quản lý công; Quản trị nhân lực; Hệ thống thông tin

quản lý; Quản lý dự án; Bảo tồn di sản kiến trúc - đô thị; Thông tin - Thư viện; Quản lý thông tin; Bảo tàng học; Xuất bản; Kinh doanh xuất bản phẩm; Quản trị kinh doanh; Du lịch; Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành; Quản trị khách sạn; Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống; Quản lý thể dục thể thao; Huấn luyện thể thao; Quản lý nhà nước về an ninh trật tự; Âm nhạc học; Sáng tác âm nhạc; Chỉ huy âm nhạc; Thanh nhạc; Sư phạm âm nhạc; Sư phạm mỹ thuật; Sư phạm nghệ thuật; Lý luận, lịch sử và phê bình sân khấu; Biên kịch sân khấu; Đạo diễn sân khấu; Diễn viên sân khấu kịch hát; Lý luận, lịch sử và phê bình mỹ thuật; Mỹ thuật đô thị; Lý luận, lịch sử và phê bình điện ảnh, truyền hình; Biên kịch điện ảnh, truyền hình; Đạo diễn điện ảnh, truyền hình; Diễn viên kịch, điện ảnh - truyền hình; Lý luận, lịch sử và phê bình múa; Biên đạo múa; Huấn luyện múa; Diễn viên múa; Thiết kế thời trang; Thiết kế mỹ thuật sân khấu, điện ảnh.

+ Thạc sĩ ngành gần: Văn hóa học; Văn hóa dân gian; Văn hóa so sánh; Việt Nam học; Khảo cổ học; Ngôn ngữ học; Nhân học; Triết học; Chủ nghĩa xã hội khoa học; Tôn giáo học; Tâm lý học; Xã hội học; Dân tộc học; Công tác xã hội; Giáo dục học; Quản lý giáo dục; Khoa học quản lý; Chính sách công; Quản lý công; Quản trị nhân lực; Thông tin học; Khoa học Thư viện; Bảo tàng học; Xuất bản; Quản trị kinh doanh; Hệ thống thông tin quản lý; Du lịch; Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành; Quản lý thể dục thể thao; Quản lý nhà nước về an ninh trật tự; Âm nhạc học; Nghệ thuật âm nhạc; Lý luận và lịch sử sân khấu; Nghệ thuật sân khấu; Lý luận và lịch sử mỹ thuật; Lý luận và lịch sử điện ảnh, truyền hình; Nghệ thuật điện ảnh, truyền hình; Thiết kế thời trang; Thiết kế mỹ thuật sân khấu, điện ảnh.

Người dự tuyển có bằng tốt nghiệp trình độ đại học/thạc sĩ ngành gần với ngành Quản lý văn hóa trình độ thạc sĩ thì phải học bổ sung kiến thức các học phần theo quy định của Trường Đại học Văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Ngành khác:

Người dự tuyển có bằng tốt nghiệp trình độ đại học/thạc sĩ ngành khác với ngành Quản lý văn hóa trình độ thạc sĩ thì phải học bổ sung kiến thức các học phần theo quy định của Trường Đại học Văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh.

#### **\* Ngành Văn hóa học**

- Ngành phù hợp: Văn hóa học

Người dự tuyển có bằng tốt nghiệp trình độ đại học ngành phù hợp với ngành Văn hóa học thì không phải học bổ sung kiến thức.

- Ngành gần:

+ Đại học ngành gần: Quản lý văn hóa; Văn hóa quần chúng; Văn hóa các dân tộc thiểu số Việt Nam; Gia đình học; Văn học; Quốc tế học; Việt Nam học; Châu Á học; Thái Bình Dương học; Đông phương học; Trung Quốc học; Nhật Bản học; Hàn Quốc học; Đông Nam Á học; Ngôn ngữ học; Tiếng Việt và văn hóa Việt Nam; Nhân học; Triết học; Địa lý học; Hán Nôm; Tôn giáo học; Lịch sử; Tâm lý học; Tâm lý học giáo dục; Công tác xã hội; Công tác thanh niên; Bảo tồn di sản kiến trúc - đô thị;

Thông tin - Thư viện; Quản lý thông tin; Bảo tàng học; Xuất bản; Kinh doanh xuất bản phẩm; Du lịch; Âm nhạc học; Sáng tác âm nhạc; Chỉ huy âm nhạc; Thanh nhạc; Sư phạm âm nhạc; Sư phạm mỹ thuật; Sư phạm nghệ thuật; Lý luận, lịch sử và phê bình sân khấu; Biên kịch sân khấu; Đạo diễn sân khấu; Diễn viên sân khấu kịch hát; Lý luận, lịch sử và phê bình mỹ thuật; Mỹ thuật đô thị; Lý luận, lịch sử và phê bình điện ảnh, truyền hình; Biên kịch điện ảnh, truyền hình; Đạo diễn điện ảnh, truyền hình; Diễn viên kịch, điện ảnh - truyền hình; Lý luận, lịch sử và phê bình múa; Biên đạo múa; Huấn luyện múa; Diễn viên múa; Ngôn ngữ Jrai; Ngôn ngữ Khmer; Ngôn ngữ H'mong; Ngôn ngữ Chăm; Sáng tác văn học; Ngôn ngữ Anh; Ngôn ngữ Nga; Ngôn ngữ Pháp; Ngôn ngữ Trung; Ngôn ngữ Đức; Ngôn ngữ Nhật; Ngôn ngữ Hàn Quốc.

+ Thạc sĩ ngành gần: Quản lý văn hóa, Văn hóa dân gian; Văn hóa so sánh; Việt Nam học; Ngôn ngữ học; Xã hội học; Nhân học; Dân tộc học; Triết học; Tôn giáo học; Chủ nghĩa xã hội khoa học; Tâm lý học; Địa lý học; Quốc tế học; Việt Nam học; Châu Á học; Thái Bình Dương học; Đông phương học; Trung Quốc học; Nhật Bản học; Hàn Quốc học; Đông Nam Á học; Thông tin học; Khoa học thư viện; Bảo tàng học; Xuất bản; Công tác xã hội; Du lịch; Giáo dục học; Âm nhạc học; Nghệ thuật âm nhạc; Lý luận và lịch sử sân khấu; Lý luận và lịch sử điện ảnh, truyền hình; Nghệ thuật điện ảnh, truyền hình; Nghệ thuật sân khấu; Văn học; Lý luận văn học; Ngôn ngữ học; Hán Nôm; Ngôn ngữ Anh; Ngôn ngữ Nga; Ngôn ngữ Pháp; Ngôn ngữ Trung Quốc; Ngôn ngữ Đức; Ngôn ngữ Nhật; Ngôn ngữ Hàn Quốc.

Người dự tuyển có bằng tốt nghiệp trình độ đại học/thạc sĩ ngành gần với ngành Văn hóa học thì phải học bổ sung kiến thức các học phần theo quy định của Trường Đại học Văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ngành khác:

Người dự tuyển có bằng tốt nghiệp trình độ đại học ngành khác với ngành Văn hóa học trình độ thạc sĩ thì phải học bổ sung kiến thức các học phần theo quy định của Trường Đại học Văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh.

**\* Ngành Khoa học thư viện:**

- Ngành phù hợp: Thông tin - Thư viện, Thư viện - Thông tin, Khoa học thư viện, Thư viện học, Quản lý thông tin

Người dự tuyển có bằng tốt nghiệp trình độ đại học ngành phù hợp với ngành Khoa học thư viện thì không phải học bổ sung kiến thức.

- Ngành gần:

+ Đại học ngành gần: Báo chí; Truyền thông đa phương tiện; Truyền thông đại chúng; Công nghệ truyền thông; Truyền thông quốc tế; Quan hệ công chúng; Lưu trữ học; Bảo tàng học; Xuất bản; Kinh doanh xuất bản phẩm.

+ Thạc sĩ ngành gần: Báo chí; Truyền thông đại chúng; Quan hệ công chúng; Lưu trữ học; Bảo tàng học; Xuất bản.

Người dự tuyển có bằng tốt nghiệp trình độ đại học/thạc sĩ ngành gần với ngành Khoa học thư viện trình độ thạc sĩ thì phải học bổ sung kiến thức các học phần theo

quy định của Trường Đại học Văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ngành khác:

Người dự tuyển có bằng tốt nghiệp trình độ đại học/thạc sĩ ngành khác với ngành Khoa học thư viện trình độ thạc sĩ thì phải học bổ sung kiến thức các học phần theo quy định của Trường Đại học Văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh.

b) Yêu cầu về ngoại ngữ đối với người dự tuyển

- Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên được đào tạo toàn thời gian ở nước ngoài, phân hiệu của cơ sở đào tạo nước ngoài ở Việt Nam hoặc cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp cho người học toàn thời gian bằng ngôn ngữ nước ngoài, được cơ quan có thẩm quyền công nhận văn bằng theo quy định hiện hành;

- Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp, được cơ quan có thẩm quyền công nhận văn bằng theo quy định hiện hành;

- Có một trong những văn bằng, chứng chỉ minh chứng về năng lực ngoại ngữ. Chứng chỉ ngoại ngữ đầu vào tối thiểu đạt bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam (tương đương bậc B1 theo khung tham chiếu ngôn ngữ chung Châu Âu - CEFR), được cấp bởi cơ sở đào tạo được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận, có thời hạn 02 năm tính từ ngày cấp chứng chỉ đến ngày đăng ký dự tuyển. Cụ thể:

| STT | Ngôn ngữ  | Chứng chỉ                    | Thang điểm tối thiểu                                                             |
|-----|-----------|------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|
|     |           |                              | B1                                                                               |
| 1   | Tiếng Anh | TOEFL iBT                    | 30 - 45                                                                          |
|     |           | TOEFL ITP                    | 450 - 499                                                                        |
|     |           | IELTS                        | 4.0 - 5.0                                                                        |
|     |           | TOEIC (4 kỹ năng)            | Nghe: 275-399<br>Đọc: 275-384<br>Nói: 120-159<br>Viết: 120-149                   |
|     |           | Cambridge Assessment English | B1 Preliminary/B1<br>Business<br>Preliminary/Linguaskill.<br>Thang điểm: 140-159 |

|   |                                    |                                                                                               |                                                       |
|---|------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------|
| 2 | Tiếng Pháp                         | CIEP/Alliance française diplomas                                                              | TCF: 300-399<br>Văn bằng DELF B1<br>Diplôme de Langue |
| 3 | Tiếng Đức                          | Goethe-Institut                                                                               | Goethe-Zertifikat B1                                  |
|   |                                    | The German TestDaF language certificate                                                       | TestDaF bậc 3 (TDN 3)                                 |
| 4 | Tiếng Nga                          | ТРКИ-Тест по русскому языку как иностранному<br>(TORFL-Test of Russian as a Foreign Language) | ТРКИ-1                                                |
| 5 | Tiếng Trung                        | Chinese Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)                                                           | HSK bậc 3                                             |
| 6 | Tiếng Nhật                         | Japanese Language Proficiency Test (JLPT)                                                     | N4                                                    |
| 7 | Tiếng Hàn                          | TOPIK                                                                                         | Level 3                                               |
| 8 | Các ngôn ngữ tiếng nước ngoài khác | Chúng chỉ đánh giá theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam                      | Từ bậc 3 trở lên                                      |

- Người dự tuyển là công dân nước ngoài, lưu học sinh diện Hiệp định (là người nước ngoài được tiếp nhận học tập tại Việt Nam và được Chính phủ Việt Nam cấp học bổng theo các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên) nếu đăng ký theo học chương trình đào tạo bằng tiếng Việt phải đạt trình độ tiếng Việt tối thiểu từ bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài. Trường hợp là người bản ngữ của ngôn ngữ được sử dụng trong chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ thì được miễn yêu cầu về ngoại ngữ.

**Ghi chú:** Các văn bằng và bảng điểm do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp phải được công chứng tiếng Việt và nộp kèm văn bản công nhận của Trung tâm công nhận văn bằng, Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo. Thông tin liên hệ:

Địa chỉ: Số 30, đường Tạ Quang Bửu, quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: 0243.868.4996

Email: [cnvb@moet.edu.vn](mailto:cnvb@moet.edu.vn)

Website: <http://naric.edu.vn>

### 3. Hồ sơ dự tuyển

- a) Đơn xin dự tuyển (theo mẫu)
- b) Sơ yếu lý lịch của người dự tuyển (theo mẫu), dán ảnh 4x6, đóng dấu giáp lai, được cơ quan quản lý nhân sự hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận;
- c) Bản sao có chứng thực:
  - + Bằng tốt nghiệp đại học và bảng điểm đại học.
  - + Văn bằng, chứng chỉ ngoại ngữ.
- d) Giấy khám sức khỏe do bệnh viện đa khoa cấp huyện hoặc tương đương trở lên cấp trong thời gian không quá 06 tháng tính đến ngày dự tuyển;
- đ) Giấy xác nhận thâm niên công tác (theo yêu cầu của ngành tuyển sinh)
- e) Giấy chứng nhận học bổ sung kiến thức (đối với người dự tuyển tốt nghiệp đại học ngành gần, ngành khác với ngành đăng ký dự tuyển);
- f) 04 ảnh 3x4 chụp trong thời hạn không quá 06 tháng tính đến ngày dự tuyển (ghi rõ họ tên, ngày tháng năm sinh, nơi sinh vào mặt sau mỗi ảnh);
- g) 03 phong bì dán tem ghi rõ địa chỉ tiếp nhận thông tin của người dự tuyển.

### 4. Đối tượng và chính sách ưu tiên trong tuyển sinh

#### a) Đối tượng ưu tiên

- Người có thời gian công tác liên tục từ 02 năm trở lên (tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển) tại các địa phương được quy định là khu vực 1 trong Quy chế tuyển sinh hiện hành do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định. Trong trường hợp này người dự tuyển phải có quyết định tiếp nhận công tác hoặc điều động, biệt phái công tác của cơ quan tổ chức có thẩm quyền;

- Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh;

- Con liệt sĩ;

- Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động;

- Người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú từ 2 năm trở lên ở địa phương được quy định tại điểm a khoản này;

- Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hóa học.

#### b) Mức ưu tiên

Người dự tuyển thuộc đối tượng ưu tiên quy định tại khoản 1 điều này (bao gồm cả người thuộc nhiều đối tượng ưu tiên) được cộng vào kết quả thi 10 điểm cho môn thi tiếng Anh (thang điểm 100) nếu không thuộc diện được miễn thi ngoại ngữ và cộng

01 điểm (thang điểm 10) cho một trong hai môn thi tuyển hoặc xét tuyển do Trường quy định; hoặc cộng 10 điểm (thang điểm 100) cho kết quả phỏng vấn năng lực người dự tuyển.

### 5. Phương thức và kế hoạch tuyển sinh:

a) Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển, tổ chức tuyển sinh tại Cơ sở 1 của Trường. Xét tuyển đối với các môn:

- Môn cơ bản: Triết học/Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin
- Môn cơ sở:

+ Cơ sở văn hóa Việt Nam (đối với người dự tuyển ngành Quản lý văn hóa và Văn hóa học). Ứng viên dự tuyển thuộc đối tượng ngành gần, ngành khác, nếu chưa học môn cơ sở ở bậc đại học sẽ học bổ sung kiến thức môn này trước khi xét tuyển.

+ Thư viện học (đối với ứng viên dự tuyển ngành Khoa học thư viện). Ứng viên dự tuyển thuộc đối tượng ngành gần, ngành khác, nếu chưa học môn cơ sở ở bậc đại học sẽ học bổ sung kiến thức môn này trước khi xét tuyển.

b) Kế hoạch tuyển sinh:

| STT | Nội dung                           | Thời gian thực hiện         |
|-----|------------------------------------|-----------------------------|
| 1   | Nhận hồ sơ tuyển sinh              | 15/04/2025 - 30/05/2025     |
| 2   | Thí sinh nhận giấy báo dự tuyển    | 05/06/2025 - 10/06/2025     |
| 3   | Học bổ sung kiến thức              | 31/05/2025 – 18/06/2025     |
| 4   | Dự tuyển                           | 15/06/2025 - 20/06/2025     |
| 5   | Thí sinh nhận giấy báo trúng tuyển | Tháng 7/2025                |
| 6   | Lễ khai giảng                      | Tháng 8/2025                |
| 7   | Thời gian đào tạo                  | Tháng 8/2025 - Tháng 8/2027 |

### 6. Lệ phí, học phí

a) Lệ phí hồ sơ và dự tuyển

- Hồ sơ dự tuyển: 60.000 đồng/thí sinh/hồ sơ
- Lệ phí xét tuyển: 200.000 đồng/thí sinh/hồ sơ

b) Học phí bổ sung kiến thức dự kiến

- Ngành gần:  $458.000\text{đ}/\text{tín chỉ} \times 14 \text{ tín chỉ} = 6.412.000\text{đ}/\text{học viên}$
- Ngành khác:  $458.000\text{đ}/\text{tín chỉ} \times 18 \text{ tín chỉ} = 8.244.000\text{đ}/\text{học viên}$

c) Học phí dự kiến

- Học phí năm học 2025-2026: 25.000.000 đồng/học viên/năm học.
- Học phí theo học kỳ: 13.000.000 đồng/học viên/học kỳ.
- Học phí theo tháng: 2.500.000 đồng/học viên/tháng

### 7. Thông tin liên hệ

- Địa điểm tuyển sinh và đào tạo

Cơ sở 1, Trường Đại học Văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh, số 51 đường Quốc Hương, phường Thảo Điền, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Thông tin tuyển sinh và đào tạo

+ Trang Tuyển sinh, Website: <http://hcmuc.edu.vn>  
+ Phòng Đào tạo, Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế, Trường Đại học Văn hóa  
Tp. Hồ Chí Minh (Văn phòng Bộ phận QLKH và HTQT, lầu 1, nhà A, Cơ sở 1)  
Điện thoại: 028.38992901- 028.35190320  
Email: [tuyensinh@hcmuc.edu.vn](mailto:tuyensinh@hcmuc.edu.vn)  
Thời gian làm việc: Từ 7 giờ 30 phút đến 17 giờ, từ thứ Hai đến thứ Sáu hàng tuần. *Như*

**Nơi nhận:**

- Hội đồng Trường (để báo cáo);
- Ban Giám hiệu (để chỉ đạo);
- Các đơn vị thuộc Trường (để triển khai thực hiện);
- Cá nhân có nhu cầu dự tuyển;
- Lưu: VT, ĐT, QLKH&HTQT (T.10)

